

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2025/HC-ST

Ngày: 09 – 9 – 2025.

*V/v: Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Long; Ông Võ Quang Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Chi – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 81/2025/TLST-HC ngày 24/3/2025 về việc “*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2025/QĐXXST-HC ngày 27/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2025/QĐ-HPT ngày 20/8/2025 giữa:

- Người khởi kiện: Bà Ngô Thị Hà G, sinh năm 1986; Ông Trần Hữu L, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: Thôn I, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Nay là xã P, tỉnh Đắk Lắk). Có mặt.

- Người bị kiện:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ); Địa chỉ: Số D P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H. Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ (Văn bản ủy quyền số 746 ngày 04/4/2025) - vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Hoàng Xuân P. Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ (có mặt).

2. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: K, quốc lộ A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện K: Chủ tịch UBND xã P, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tôn Đức T, Bà Võ Thị T1. Cùng địa chỉ: Thôn I, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã P, tỉnh Đắk Lắk) – vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tôn Đức Q (con trai ông Tôn Đức T; Bà Võ Thị T1). Cùng địa chỉ: Thôn I, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã P, tỉnh Đắk Lắk) – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Trần Hữu L và bà Ngô Thị Hà G trình bày:***

Năm 2013, gia đình tôi nhận chuyển nhượng thửa đất của bà Nguyễn Thị T2, thường trú tại thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, tại thời điểm tôi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất của bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị T2 đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng thì cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T2 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình tôi (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 506914, tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 37, diện tích 3020,0m² do UBND huyện K cấp ngày 31/12/2013 cho ông Trần Hữu L và bà Ngô Thị Hà G).

Khi gia đình nộp hồ sơ tách thửa đất số 6, tờ bản đồ số 37 nêu trên thì được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K cho biết Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 010976 tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 28, diện tích 5879,6m² ngày 30/9/2019 cho ông Tôn Đức T và bà Võ Thị T1 chồng lên thửa đất của gia đình tôi nên không thực hiện tách thửa được.

Hiện nay thửa đất của gia đình tôi và thửa đất của ông Tôn Đức T và bà Võ Thị T1 có ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp. Căn cứ nội dung trả lời của Chi nhánh VPĐK đất đai huyện K, bà Ngô Thị Hà G và ông Trần Hữu L khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết:

- Tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 852893 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 27/01/2022 cho ông Tôn Đức T và bà Võ Thị T1;

- Tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 506914 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 31/12/2013 cho ông Trần Hữu L và bà Ngô Thị Hà G;

- Đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Hữu L theo đúng vị trí, đúng diện tích theo quy định pháp luật.

**** Tại bản tự khai của người đại diện theo pháp luật của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ, ông Nguyễn Minh H1 trình bày:***

Trong quá trình thực hiện quyền của người sử dụng đất, ông Tôn Đức T và bà Võ Thị T1 đã thực hiện thủ tục tách thửa đất số 113, tờ bản đồ số 28, diện tích 5.879,6 m² được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 010976 thành 03 thửa đất số 122, 123, 124. Ngày 27/01/2022 được Sở T cấp các Giấy chứng nhận tương ứng số: DĐ 852889, DĐ 852890, DĐ 852893. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số ĐĐ 852893 và các Giấy chứng nhận liên quan là đúng trình tự, thủ tục quy định, không tiếp nhận bất kỳ văn bản, ý kiến nào của người sử dụng đất và cơ quan có thẩm quyền về việc tranh chấp đất đai hay việc quyền sử dụng đất bị kê biên để đảm bảo thi hành án liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và các hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất nêu trên. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** *Tại bản tự khai của người đại diện theo uỷ quyền của UBND huyện K trình bày:***

Ngày 30/09/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 010976 cho ông Tôn Đức T và bà Võ Thị T1 đối với thửa đất số 113, tờ bản đồ số 28, diện tích 5879,6m² là cấp đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 76 và Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ.

Riêng thửa đất số 06, tờ bản đồ số 37 (cũ), diện tích 3020 m² của bà Hà Thị H2 và ông Trần Văn H3 đã được chuyển nhượng cho ông Trần Hữu L và bà Ngô Thị Hà G được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 506914, cho ông Trần Hữu L và bà Ngô Thị Hà G ngày 31/12/2013 đúng quy định. Vì vậy, đề nghị Toà án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

*** *Ông Tôn Đức T và bà Võ Thị T1 thống nhất trình bày:***

Nguồn gốc đất là của gia đình chúng tôi có mua của ông Đinh Quang L1 và ông bà L2, L. Đến năm 2003 chúng tôi đi kê khai và được cấp GCN QSDĐ. Sau đó gia đình tôi bán cho một số hộ dân. Đến năm 2022 thì chúng tôi được cấp đổi lại GCN QSDĐ số ĐĐ 852893 tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 28, với diện tích: 4.611,4m², toạ lạc tại: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã P, tỉnh Đắk Lắk), mang tên ông Tôn Đức T, bà Võ Thị T1. Từ khi mua đất của ông L1 và bà L2, gia đình chúng tôi đã trồng cây cỏ thụ rào chắn và canh tác, sử dụng ổn định từ đó đến nay không xảy ra tranh chấp với ai.

Ông Trần Hữu L và bà Ngô Thị Hà G có đến mua đất ở gần thửa đất của gia đình chúng tôi, hai thửa đất cách 01 con đường rộng 03m là lối đi chung của xóm, có từ khi chúng tôi mua đất (năm 1994) đến nay nên không thể xảy ra việc chồng lấn. Giữa hai gia đình không tranh chấp đất với nhau. Vì vậy đối với việc ông Trần Hữu L và bà Ngô Thị Hà G khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ của gia đình tôi thì chúng tôi không đồng ý.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định việc UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 506914, cho ông Trần Hữu L và bà Ngô Thị Hà G ngày 31/12/2013 là không đúng diện tích đất mà hộ ông Trần Hữu L sử dụng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Trần Hữu L và bà Ngô Thị Hà G là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Trần Hữu L và bà Ngô Thị Hà G có quyền, nghĩa vụ liên hệ, đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền để được cấp lại GCBQSD đất theo đúng hiện trạng.

Đối với việc Ngô Thị Hà G và ông Trần Hữu L rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc Tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 852893 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 27/01/2022 cho ông Tôn Đức T và bà Võ Thị T1, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Bà Ngô Thị Hà G và ông Trần Hữu L khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết:

- Tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 852893 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 27/01/2022 cho ông Tôn Đức T và bà Võ Thị T1;

- Tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 506914 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 31/12/2013 cho ông Trần Hữu L và bà Ngô Thị Hà G;

- Đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Hữu L theo đúng vị trí, diện tích theo quy định pháp luật.

Yêu cầu khởi kiện của ông L, bà G thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính và còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu Tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 506914 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 31/12/2013, thửa đất số 6, tờ bản đồ số 37, diện tích 3.020m² cho ông Trần Hữu L và bà Ngô Thị Hà G:

Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 37 (cũ), tại thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc của ông Trần Văn H3 và bà Hà Thị H2 khai hoang. Ngày 16/01/2009, ông H3, bà H2 được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ số AN 815892 đối với thửa đất số 6, tờ bản đồ số 37, diện tích 3.020m². Ngày 25/3/2009, bà H2 và ông H3

chuyển nhượng toàn bộ Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 37 (cũ) cho bà Nguyễn Thị T2. Ngày 10/12/2013, bà T2 chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng ông L, bà G. Ngày 31/12/2013, UBND huyện K cấp lại GCNQSDĐ số BP 506914 cho ông L, bà G.

Theo sơ đồ thửa đất số 6, tờ bản đồ số 37 (cũ) tại GCNQSDĐ số BP 506914 do UBND huyện K cấp ngày 31/12/2013 (BL 234) thì thửa đất số 6 có tứ cận: Phía Đông giáp thửa đất của ông N; Phía Tây giáp đường đi; Phía Nam giáp đường chính; Phía Bắc giáp đường đi.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/7/2025 của TAND tỉnh Đắk Lắk thì diện tích đất thực tế ông L, bà G đang sử dụng tại thửa số 6, tờ bản đồ số 37 (cũ) – nay là thửa 111, tờ bản đồ DC 28 – có tứ cận: Phía Đông giáp thửa đất của ông N, cạnh dài 56,18m; Phía Tây giáp đường đi, cạnh dài 45,25m; Phía Bắc giáp đường đi, cạnh dài 45,25m; Phía Nam giáp đường bê tông, cạnh dài 63,24m.

Như vậy, vị trí tứ cận thửa đất số 6, tờ bản đồ số 37 (cũ) trên GCNQSD và thực tế không thay đổi, đều có ba hướng Tây, Nam, B giáp đường, hướng Đông giáp đất ông N.

Theo sơ đồ thửa đất số 113, tờ bản đồ số 28 tại GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 30/9/2019 cho hộ ông Tôn Đức T (BL 71) có hướng Đông cách thửa đất số 111 của hộ ông L 01 con đường. Sau khi thực hiện tách thửa thì thửa đất số 124, tờ bản đồ 28 của hộ ông Tôn Đức T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 852893 ngày 27/01/2022 vẫn cách thửa đất số 111 tờ bản đồ số 28 của hộ ông L 01 con đường (BL 73).

Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông L, bà G và vợ chồng ông T, bà T1 đều xác định trên thực tế, giữa thửa đất số 6 (nay là thửa 111) của vợ chồng ông L, bà G và thửa đất của ông Tôn Đức T và bà Võ Thị T1 có 01 đường đi chung. Khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ vẫn còn con đường là ranh giới giữa hai thửa đất. Gia đình ông L và gia đình ông T sử dụng đất ổn định, hai bên không có tranh chấp quyền sử dụng đất.

Mặc dù ông L, bà G trình bày khi vợ chồng ông làm đơn xin tách thửa đất số 6, tờ bản đồ số 37 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K, cơ quan chuyên môn cho rằng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 852893 ngày 27/01/2022 cho ông Tôn Đức T và bà Võ Thị T1 chồng lẫn lên Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 37 của gia đình ông L nhưng không được trả lời bằng văn bản. UBND huyện K và Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh Đ lại cho rằng việc cấp GCNQSD đất cho hộ ông Tôn Đức T và hộ ông Trần Hữu L3 là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Kết quả thẩm định thể hiện, diện tích thực tế của thửa đất số 6 hiện nay ông L3, bà G đang quản lý sử dụng là 2.963,2m² (giảm 56,8m² so với diện tích được Nhà nước cấp GCNQSDĐ). Như vậy, việc cấp GCNQSD đất có sai sót về diện tích. Kết quả lồng ghép bản đồ cũng thể hiện tọa độ thửa đất thực tế

sử dụng không trùng với tọa độ thửa đất trên tờ bản đồ. Do đó, căn cứ điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 152 Luật Đất đai năm 2024 thì yêu cầu khởi kiện của ông L3, bà G về nội dung tuyên hủy GCNQSDĐ số BP 506914 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 31/12/2013 cho ông Trần Hữu L và bà Ngô Thị Hà G là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với nội dung đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại GCNQSD đất: ông L, bà G có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các thủ tục pháp luật quy định để được giải quyết theo quy định. UBND huyện K cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 6, tờ bản đồ số 37 sai diện tích và bị hủy nên cơ quan có thẩm quyền cần thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp lại GCNQSD đất cho ông Trần Hữu L và bà Ngô Thị Hà G khi ông Trần Hữu L và bà Ngô Thị Hà G nộp đủ hồ sơ theo quy định.

[2.3] Đối với câu tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 852893 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 27/01/2022 cho ông Tôn Đức T và bà Võ Thị T1: Trước khi mở phiên tòa, ông L, bà G đã rút yêu cầu khởi kiện nên căn cứ quy định tại Điều 143 và Điều 173 Luật Tố tụng hành chính, cần đình chỉ giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng:

Chi phí thẩm định, đo đạc bằng máy theo yêu cầu của người khởi kiện đối với Thửa đất số 111 và Thửa đất số 113 là 7.800.000 đồng.

Diện tích của Thửa đất số 113 chiếm 2/3 tổng diện tích đo vẽ nên vợ chồng ông L, bà G phải chịu 2/3 chi phí tố tụng là 5.200.000 đồng.

Ủy ban nhân dân huyện K cấp GCNQSD đất không đúng diện tích nên CGNQSD đất đã cấp cho hộ ông Trần Hữu L bị tuyên hủy. Do đó, người kế thừa quyền, nghĩa vụ phải chịu 1/3 chi phí tố tụng là 2.600.000 đồng.

Vợ chồng ông L, bà G đã nộp 7.800.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng tại TAND tỉnh Đắk Lắk và đã chi phí xong nên được nhận lại 2.600.000 đồng sau khi thu được của người bị kiện.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính;

- Căn cứ Điều 136, 152 Luật Đất đai năm 2024;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu L và bà Ngô Thị Hà G.

Tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 506914 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 31/12/2013 đối với thửa đất số 6, tờ bản đồ số 37, diện tích 3.020m² tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã P, tỉnh Đắk Lắk) cho ông Trần Hữu L và bà Ngô Thị Hà G.

Ông Trần Hữu L và bà Ngô Thị Hà G có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các thủ tục pháp luật quy định để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

[2]. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu L và bà Ngô Thị Hà G về việc tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 852893 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 27/01/2022 cho ông Tôn Đức T và bà Võ Thị T1.

[3] Về chi phí tố tụng:

Ông Trần Hữu L, bà Ngô Thị Hà G phải chịu 5.200.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc bằng máy. Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 2.600.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc bằng máy.

Ông Trần Hữu L, bà Ngô Thị Hà G đã nộp 7.800.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng tại TAND tỉnh Đắk Lắk và đã chi phí xong nên không phải nộp số tiền 5.200.000 đồng và được nhận lại 2.600.000 đồng sau khi thu được của Ủy ban nhân dân xã P.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Ông Trần Hữu L, bà Ngô Thị Hà G không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000058 ngày 17/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự, người đại diện hợp pháp cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương

